

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-4-2023
V/v "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Mai Thị Thúy Hằng,
- Bà Võ Thị Hồng Hải,

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam** tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 224/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị Tài L, sinh năm 1994. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Vũ B, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn N, xã T, huyện S, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn - chị Lê Thị Tài L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Vũ B tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Tn, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 14/6/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, anh B thường tìm cơ đánh đập chị nhiều lần. Nay

chị thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin được ly hôn với anh Bảo.

Về con chung; có 02 con chung tên là Nguyễn Lê Chấn P, sinh ngày 02/7/2017 và Nguyễn Lê Gia T, sinh ngày 10/10/2020. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi 02 con và yêu cầu anh B cấp dưỡng để chị nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng, cụ thể: mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Vũ B nhưng anh đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Vũ B có nơi cư trú tại: thôn N, xã T, huyện S, tỉnh N. Chị Lê Thị Tài L khởi kiện xin ly hôn với anh B nên quan hệ pháp luật được xác định là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, bị đơn - anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không lý do; chị L có

đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh B tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 14/6/2017 nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị L khai rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, anh B thường tìm cơ đánh đập chị nhiều lần. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L cương quyết xin ly hôn, còn anh B không tham gia các phiên hòa giải, không tham dự phiên tòa và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L, anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: chị L và anh B có 02 con chung tên là Nguyễn Lê Chấn P, sinh ngày 02/7/2017 và Nguyễn Lê Gia T, sinh ngày 10/10/2020. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng nuôi 02 con và yêu cầu anh B cấp dưỡng để chị nuôi các cháu P, T mỗi tháng, mỗi cháu 1.500.000 đồng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh B vắng mặt thể hiện sự không quan tâm đến gia đình, con cái. Hiện nay các cháu P, T đang còn nhỏ và đang sống chung với mẹ nên giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo hơn cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tâm, sinh lý của các cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 cháu P và T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và buộc anh B cấp dưỡng để chị nuôi 02 con mỗi tháng, mỗi cháu 1.500.000 đồng cho đến khi các cháu P, T thành niên (đủ 18 tuổi), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2023 là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: chị L và anh B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tài L về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị Tài L và anh Nguyễn Vũ B.

2. Về con chung: giao 02 cháu Nguyễn Lê Chấn P, sinh ngày 02/7/2017 và Nguyễn Lê Gia T, sinh ngày 10/10/2020 cho chị Lê Thị Tài L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Vũ B có nghĩa vụ cấp dưỡng để chị L nuôi cháu P và cháu T mỗi tháng, mỗi cháu 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng, phương thức cấp dưỡng theo hằng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2023 cho đến khi các cháu P, T thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Lê Thị Tài L phải chịu, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004891 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng anh Nguyễn Vũ B phải chịu.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã T, huyện S (GCNKH số 29 ngày 14/6/2017)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Sen